

TÍN TÂM MINH Giảng giải

Thiền Sư Thích Thanh Từ

I. GIẢI ĐỀ

Nay tôi giảng bài TÍN TÂM MINH của Tổ Tăng Xán. Tổ Tăng Xán là vị Tổ thứ ba, đệ tử của Tổ Huệ Khả. Trong đời ngài không có gì truyền bá giảng dạy sâu rộng, chỉ có một người đệ tử sau này thừa kế là ngài Đạo Tín. Đời ngài chỉ để lại có một bài Tín Tâm Minh, một bản văn rất gọn và đầy đủ ý nghĩa trong nhà Thiền. Học thiền, chúng ta học Pháp Bảo Đàn mà không học Tín Tâm Minh là không được. Tổ chỉ tóm gọn tinh yếu của thiền, bao nhiêu lời, bao nhiêu chữ đề là Tín Tâm Minh. Tín Tâm là tin nơi tâm mình, Minh là ghi, là khắc lại. Tức là những lời được ghi đọc lên chúng ta tin chắc tâm mình, biết rõ được tâm mình, đó là chủ yếu của Tổ. Vì văn gọn, tôi vừa đọc vừa giảng để quý vị hiểu.

II. CHÁNH VĂN

Dịch âm:

Dịch nghĩa:

Chí đạo không khó,

Chí đạo vô nan,

Chỉ hiềm lựa chọn.

Duy hiềm giảng trạch.

Chớ khởi yêu ghét,

Đản mạc tăng ái,

Rõng suốt minh bạch.

Đồng nhiên minh bạch.

Giảng giải:

Chí đạo là chỗ tốt cùng, vô nan là không khó, duy là chỉ, hiềm là không bằng lòng, giảng trạch là lựa chọn. chí đạo tốt cùng không khó, mà khó ở chỗ còn lựa chọn. Chí đạo có chỗ gọi là chơn tâm, Phật tánh, đại đạo. Đối với chơn tâm, Phật tánh chúng ta muốn sống được không phải khó. Sở dĩ khó là tại chúng ta quen lựa chọn, nghĩa là đối cảnh liền sanh tâm phân biệt tốt xấu, hay dở... Đó là trái với đạo. Vì vậy nên nói Chí đạo vô nan,

duy hiềm giảng trách, tám chữ này nói đến chỗ tốt cùng, muốn sống được với tâm thể chơn thật không khó khăn gì, chỉ đừng chạy theo tâm lựa chọn. Vì chọn lựa là tâm hư vọng, nếu không sống với tâm hư vọng thì tâm chơn thật hiện ra. Đản mạc táng ái, đồng nhiên minh bạch, ở trên nói giản trách là chọn lựa, ở đây bảo chớ khởi yêu ghét, yêu ghét là bệnh, là gốc của sanh tử luân hồi, hết yêu ghét thì tâm rỗng rang sáng sủa.

Chí đạo không khó, vì chọn lựa nên thành khó. Bây giờ muốn cho nó hiện ra thì tâm chớ có yêu ghét. Nếu không yêu ghét thì nó rỗng rang sáng sủa, không cần tìm kiếm đâu xa, không phải lên núi cao, vào rừng rậm mới có đạo, chỉ cần dứt sạch sự chọn lựa, buông được yêu ghét thì đạo hiện tiền.

Dịch âm:

Hào ly hữu sai,
Thiên địa huyền cách.
Dục đắc hiện tiền,
Mạc tồn thuận nghịch.

Dịch nghĩa:

Sai lạc đường tơ,
Đất trời xa cách.
Muốn được hiện tiền,
Chớ còn xuôi ngược.

Giải thích:

Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách: nếu sai chừng một hào, một ly thì cách xa bằng trời với đất. Đối với việc tu hành chúng ta phải hiểu đến cội gốc, chớ khởi niệm tìm cầu Niết Bàn, tìm cầu chứng đắc. Vừa khởi niệm là sai, là cách xa chỗ chí đạo, khi đã sai thì cách xa đạo bằng trời với đất. Cho nên nhiều người tu muốn đạt đạo lại dụng tâm thể này thế kia, đã không được đạo lại càng cách xa đạo.

Dục đắc hiện tiền, mạc tồn thuận nghịch: muốn chí đạo hiện tiền thì chớ còn nghịch thuận. Vừa có thuận nghịch hai bên thì đạo không hiện tiền. Dứt được thuận nghịch thì đạo hiện tiền.

Tám câu này chủ yếu Tổ dạy: muốn sống với cái chơn thật không gì hơn là đừng phân biệt chọn lựa hai bên. Nếu không phân biệt thì yêu ghét không, chạy theo hai bên cũng không. Vừa có niệm yêu ghét thuận nghịch thì mất đạo rồi. Dứt niệm hai bên thì đạo hiện tiền minh bạch.

Dịch âm:

Vi thuận tương tranh,
Thị vi tâm bệnh.
Bất thức huyền chỉ,
Đồ lao niệm tịnh.

Dịch nghĩa:

Thuận nghịch tranh nhau,
Đó là tâm bệnh.
Chẳng biết huyền chỉ,
Nhọc công niệm tịnh.

Giảng giải:

Vi thuận tương tranh, thị vi tâm bệnh: Người tu vừa thấy đây là thuận, kia là nghịch chống đối nhau, đó là tâm bịnh chớ không phải đạo, không phải thiền.

Bất thức huyền chỉ, đồ lao niệm tịnh: Vì không biết ý chỉ u huyền này nên nhọc công niệm tịnh. Cứ quán chỗ lặng lẽ cho đó là đạo; đạo là chỗ không còn kẹt hai bên, tâm không dính hai bên thì đạo hiện tiền, còn kẹt hai bên là bịnh. Vì vậy người biết yếu chỉ sâu huyền thì phải buông xả kiến chấp hai bên thì khỏi nhọc công niệm tâm thanh tịnh.

Dịch âm:

Viên đồng thái hư,
Vô khiếm vô dư.
Lương do thủ xả,
Sở dĩ bất như.

Dịch nghĩa:

Tròn đồng thái hư,
Không thiếu không dư.
Bởi do thủ xả,
Vì thế chẳng như.

Giảng giải:

Tâm chơn thật tròn đồng với thái hư, tức là rộng thênh thang như hư không, không thiếu mà cũng không dư, bởi vì còn thủ xả nên không được như như. Nghĩa là tâm thể tròn đồng với thái hư không thiếu không thừa, bởi có niệm thủ xả nên không được như như. Vậy muốn tâm như như, thì đối với tất cả pháp đều không lấy không bỏ, Hiểu được như vậy mới thấy nơi mọi người chúng ta đều có tâm thể rộng khắp cả bầu trời (thái hư) thênh thang tự tại bất sanh bất diệt, nên nói là Như.

Dịch âm:

Mạc trực hữu duyên,
Vật trụ không nhãn,
Nhứt chủng bình hoài,
Dẫn nhiên tự tận.

Dịch nghĩa:

Chớ đuổi duyên trần,
Cũng đừng không nhãn.
Một lòng bằng phẳng,
Lặng yên tự dứt.

Giải thích:

Mạc trực hữu duyên, vật trụ không nhãn: chớ có theo duyên, cũng chớ có trụ không nhãn. Nhứt chủng bình hoài, dẫn nhiên tự tận: Tâm mình bằng phẳng, lặng yên dứt hết. Đừng chạy theo có, không. Có, không đều chẳng kẹt chẳng mắc thì tâm yên ổn bằng phẳng, dứt hết mọi điên đảo rối ren, tâm tự hết phiền não, tự nhiên an ổn.

Dịch âm:

Chỉ động qui tịnh,
Chỉ cách di động.
Duy trệ lưỡng biện,
Ninh tri nhứt chủng.

Dịch nghĩa:

Ngăn động về tịnh,
Hết ngăn lại động.
Chỉ kẹt hai bên,
Đâu biết một thứ.

Giải thích:

Chỉ động qui tịnh, chỉ cách di động: dừng động về tịnh, dừng đó lại càng thêm động niệm. Vừa dấy lên liền đề xuống (chẳng khác nào đề cò). Niệm trước vừa dừng, niệm sau lại càng tiếp tục dấy khởi, nên càng dừng động thì động dấy khởi thêm chớ không dứt; cũng như trái banh chọi vô tường, tường đâu nó dừng, chọi mạnh chừng nào nó càng dội mạnh chừng ấy. Vì vậy đối với tâm tu Thiền thường mắc hai cái lỗi: một là

buông thả, hai là kèm giữ. Buông thả là phóng tâm theo cảnh, kẹt bên này dính bên kia. Chỉ nhẹ nhẹ, nhẹ nhẹ biết không theo niệm là được rồi. Nhìn thẳng nó chớ không phải đề, vì càng đề càng thêm động.

Duy trệ lưỡng biên, ninh tri nhưt chủng: Vì kẹt hai bên có không, phải quấy, đâu biết một thứ. Kẹt hai bên không bao giờ thấy được cái chân thật (vì còn đối đãi).

Dịch âm:

Nhất chủng bất thông,
Lưỡng xứ thất công.
Khiển hữu một hữu,
Tùng không bồi không.

Dịch nghĩa:

Một thứ chẳng không,
Hai chỗ mất công.
Đuổi có mất có,
Theo không phụ không.

Giải thích:

Nhất chủng bất thông, lưỡng xứ thất công: Một thứ không thông thì hai chỗ thất công. Nghĩa là một mà không thấu suốt cứ chạy theo hai, theo hai chừng nào càng uổng công chừng nấy chứ không có lợi gì. Quý vị thấy tất cả chúng ta đều sống với cái hai, vì sống với cái hai nên nằm trong đối đãi, không thấu được lẽ thật. Càng chạy theo cái không thật thì kẹt mãi ở hai bên, càng phí sức uổng công không tới đâu hết. Buông được hai bên thì về với đạo.

Khiển hữu một hữu, tùng không bồi không: bây giờ dẹp Có thì không có, theo Không thì trái không. Người tu cho cái này Có, bỏ đi thì Có trở thành Không, mà theo Không thì trái với không. Chúng ta thường nghĩ cái này cái kia là thật. Thấy Có là thật nên muốn dẹp Có tức nhiên chìm trong Có, còn bỏ Không thì trái với không. Như vậy đối với Có Không phải làm thế nào? Nếu cố tình dẹp Có là đã chìm trong có, hễ theo Không tức là trái với không. Bởi vì Có nó không thật mà chấp vào nó hay cố dẹp nó tức là thấy nó thật rồi. Còn theo Không thì cũng không thật, càng theo Không là càng trái với lẽ thật. Như vậy cả hai Có Không đừng dẹp, đừng theo, biết nó là giả dối tức nhiên không kẹt. Cố dẹp nó là vô tình nhận nó là có. Cố tình theo Không cũng vô tình thấy nó là thật. Cho nên tôi hay nhắc tất cả quý vị, nhiều người tu cứ THEO vọng tưởng khó trị, khổ với ba

thứ vọng tưởng này quá. Lo sợ vọng tưởng, cố ý chống đối dẹp bỏ thì vô tình thấy nó là thật có. Tôi thường thí dụ như bóng con cọp, biết nó là bóng cọp, có sợ không? Biết nó là bóng không thật thì sợ cái gì? Dù có con cọp thật cũng không sợ, huống là mới thấy bóng cọp mà sợ thì đó là si mê. Phải hiểu rõ như vậy. Biết vọng tưởng là vọng thì sợ cái gì chớ? - Vậy mà cứ sợ - Ở đây có ai sợ không? Không có dẹp vọng tưởng, biết đó là vọng tưởng không theo là đủ rồi, chớ không còn cái gì khác hơn nữa, đó là chí lý rồi.

Dùng cái này để trị, dùng cái kia để dẹp đó chỉ là bệnh. Cho nên phải hiểu cho thật rõ cái không thật, nếu mình sợ nó thì nó biến thành thật. Nếu biết ma không thật chỉ là bóng thật. Ví dụ như ma, ma có thật không? - Không. - Bây giờ mình dấy niệm sợ nó thì nó biến thành thật. Nếu biết ma không thật chỉ là bóng dáng thì nó đâu có nhát. Cái dụng của nó có giá trị là khi mình sợ nó, nếu biết rõ nó không thật, dù nó có hiện hình le lười, nhe răng đi nữa mình biết nó không thật thì cũng không hại được mình.. Ngược lại cứ nơm nớp sợ khi thấy bóng quế, hồn ma nào phát phơ, thất thanh la hoảng lên rồi bảo mà hớp hồn kia nọ rồi thành bệnh. Bệnh tại cái sợ. Cái không đáng sợ mà sợ đó là ngu si. Vọng tưởng đâu đáng sợ vì nó là vọng, đã là vọng thì đâu có thật mà sợ. Hiểu như vậy khi tu mới gan dạ, tỉnh táo nhìn mặt nó, nó là giả dối có gì đâu mà sợ, phải thấy rõ nghĩa này. Nếu cố tình dẹp Có thì chìm sâu trong có. Cố tình chạy theo Không là ngược lại với không. Muốn cho tâm không ngờ, càng muốn chừng nào càng có chừng đó. Như vậy để hiểu rõ hai cái Có và Không là không thật thì không cần dẹp, không cần phải theo.

Dịch âm:

Đa ngôn đa lự,
Chuyển bất tương ưng.
Tuyệt ngôn tuyệt lự,
Vô xứ bất thông.

Giải thích:

Đa ngôn đa lự, chuyển bất tương ưng: Đây là Tổ quả mấy người nhiều lời. Nói nhiều thì nghĩ nhiều, lo nhiều thì càng chẳng tương ưng, tức là không phù hợp với đạo.

Dịch nghĩa:

Nói nhiều nghĩ nhiều,
Càng chẳng tương ưng.
Dứt nói dứt nghĩ,
Chỗ nào chẳng thông.

Người học đạo nói càng nhiều, phân biệt lạnh lẽo thì không phù hợp với đạo. Tổ bảo hãy để khước miệng lên meo, như cây quạ mùa đông. Bây giờ khước miệng chúng ta sôi bọt mép, cho nên càng ngày càng xa với đạo chứ không hợp với đạo.

Tuyệt ngôn tuyệt lự, vô xứ bất thông: Dứt lời dứt nghĩ, chỗ nào chẳng thông. Như vậy người tu khi dứt nói, dứt nghĩ thì thông suốt hết, chỗ nào cũng thấy đạo.

Dịch âm:

Qui căn đắc chỉ,
Tùy chiếu thất tông.
Tu du phản chiếu,
Thắng khước tiền không.

Dịch nghĩa:

Về nguồn được chỉ
Theo chiếu mất tông.
Phút giây soi lại,
Hơn không trước kia.

Giải thích:

Qui căn đắc chỉ, tùy chiếu thất tông: Trở về gốc thì được yếu chỉ, theo chiếu thì mất tông, tức là mất ông chủ của mình. Chữ chiếu, quý vị phải hiểu cho rõ ràng, đừng có hiểu lầm. Chiếu có hai cách: phản chiếu và tùy chiếu. Phản chiếu là soi ra ngoài. Nếu soi ra ngoài thì mất tông, soi trở lại thì được lợi ích. Nói rằng mình trở lại mình thì dễ thấy được cái chân thật. Nếu soi ra ngoài, cứ thấy nghe, phân biệt cả ngày, phân biệt người ở ngoài thì mất ông chủ nơi mình, đó là lẽ đương nhiên không nghi ngờ gì hết. Bây giờ tu du phản chiếu trong chốc lát, mà biết chiếu ngược soi lại mình thì thắng khước tiền không, tức là hơn hết những cái không ở trước. Nếu đề xuống là cảnh không, không bằng soi lại rõ từng niệm của mình, không theo nó là thù thắng nhất. Cho nên nói: chỉ cần trong chốc lát soi lại mình, thì cái đó thù thắng hơn cái không. Như vậy đồng thời một chữ chiếu mà đứng ở hai mặt. Người tu khác với người thế gian ở chỗ đó. Người thế gian suốt ngày để sáu căn chạy theo sáu trần, cho nên họ quên mất chính họ. Họ chạy theo cái được mất, hơn thua, chứ không biết soi trở lại chính mình.

Người tu biết soi trở lại thấy rõ từng tâm niệm, từng hành động, từng phần một trong nội tâm không có làm lẫn. Thấy thân này là duyên hợp giả dối, tâm thì từng niệm,

từng niệm dấy khởi, sinh diệt rõ ràng. Do biết nó là giả dối, nên tâm chơn thật hiện tiền. Vì vậy phản chiếu là việc tu, còn tùy chiếu là mất ông chủ chắc chắn.

Dịch âm:

Tiền không biến chuyển,
Giai do vọng kiến.
Bất dụng cầu chơn,
Duy tu tức kiến.

Dịch nghĩa:

Không trước chuyển biến,
Đều do vọng kiến.
Chẳng cần cầu chơn,
Chỉ cốt dứt kiến.

Giải thích:

Tiền không biến chuyển, giai do vọng kiến: Cái không trước hay chuyển biến đều là do vọng thấy. Người nhận thấy cái không cho nó là quan trọng, những người đó đều donơi vọng kiến nên chấp như vậy. Tỉ dụ: nghe nói tâm không cho cái Không đó là quý, rồi tìm nó và đè xuống, như vậy là bám vào cái không, chấp chắc vào nó, chấp không là do cái không trước biến ra.

Bất dụng cầu chơn, duy tu tức kiến: Người tu chủ yếu đừng có cầu chơn, cầu chơn là muốn thấy cho tâm, muốn thấy đã là bệnh rồi. Chỉ cần dừng hết mọi kiến chấp thì chơn tâm hiện tiền. Chấp thật giả, phải quấy, vừa có những niệm chấp như vậy là đã mất cái chân thật. Cho nên chủ yếu của sự tu hành là buông hết kiến chấp, kiến chấp hết thì chơn tâm hiện bày.

Dịch âm:

Nhị kiến bất trụ,
Thận vật truy tâm.
Tài hữu thị phi,

Phần nhiên thất tâm.

Dịch nghĩa:

Hai kiến chẳng trụ,

Dè dặt đuổi tìm.

Lãng xăng mắt tâm.

Vừa có thị phi,

Giảng giải:

Nhị kiến bất trụ: Thấy có thấy không mà không trụ. Thận vật truy tầm: Dè dặt chớ có đuổi theo. Tài hữu thị phi, phần nhiên thất tâm: Vừa có phải quấy thì lãng xăng mắt tâm chân thật. Quý vị có thấy quyền kinh nào, quyền luận nào không quở cái thấy hai không? Phật Tổ quở chạy theo phải quấy mà mình hết phải quấy chưa? Nếu hết phải quấy thì chuyện gì đâu cần phải nói nhiều, sẽ yên lành điềm đạm. Người nào phải quấy nhiều thì người đó đa ngôn, đa sự lảm. Bởi vì thấy quấy, nên gặp nhau thì nói ông kia phải, bà này quấy, cả ngày phải quấy lãng xăng, càng nói phải quấy là càng động, rõ ràng như vậy. Cho nên biết tu rồi thì nên ít phải quấy. Điều đó người xưa có nói câu: "Điểm thiết biến thành kim ngọc dị. Khuyết nhưn từ khước thị phi nan", nghĩa là biến thiết trở thành vàng ngọc còn dễ hơn khuyết người ta bỏ phải quấy, điều đó khó lắm. Như vậy để biết bệnh của chúng sanh là bệnh phải quấy là càng mất tâm chớ không thể nào an ổn được.

Dịch âm:

Nhị do nhứt hữu,
Nhất diệc mạc thủ.
Nhất tâm bất sanh,
Vạn pháp vô cửu.

Dịch nghĩa:

Hai do một có,
Một cũng chớ giữ.
Một tâm chẳng sanh,
Muôn pháp không lỗi.

Giảng giải:

Nhị do nhứt hữu, nhất diệc mạc thủ: Hai do một mà có, cái một cũng chớ giữ. Chỗ này là chỗ yếu tố, thường thường người ta nói hoặc là hai hoặc là một, nếu không hai là một, không một là hai. Tại sao đạo Phật nói pháp môn bất nhị? Bất nhị là không hai, không hai thì nói một cho rồi? Nhiều người cứ thắc mắc chỗ này. Ở đây Tổ nói: hai là đối với một mà lập, bỏ hai giữ một là bệnh, phải buông hết cả hai thứ.

Nhất tâm bất sanh, vạn pháp vô cửu: một tâm không sanh thì muôn pháp không có lỗi. Nếu bây giờ trước mắt mình nào là vàng ngọc, lụa là, sắc đẹp... chúng ta thấy tất cả

mà không dấy niệm gì, như vậy có lợi không? - Không - Nhiều người than: ở đời nào là tài sắc, danh lợi quyên rũ thành ra khó tu. Quý vị thấy có quyên rũ không? Sắc tài đâu có quyên rũ, tại mình chạy theo nó rồi đổ thừa nó quyên rũ. Như cái đồng hồ trên bàn này có quyên rũ ai đâu? Tại mình dấy niệm tham, lấy nó rồi đổ thừa nó quyên rũ mình. Như vậy không có gì quyên rũ mình hết, tại tâm mình chạy theo. Người ta vì không có tinh thần trách nhiệm, nên cứ đổ thừa, đổ thừa là căn bệnh vô trách nhiệm của con người. Ví dụ hai giờ đánh kiếng đi công tác, có người nào đó nghe kiếng mà không chịu đi, đến hai giờ rưỡi hoặc ba giờ, Tri sự kêu tại sao nghe đánh kiếng mà không chịu đi công tác? Người đó trả lời tại cái này, tại cái kia. Tại đó là lý do để đổ thừa, luôn luôn có lý do chớ không bao giờ nhận lỗi.

Chúng ta hiểu như vậy thì muôn pháp đối với chúng ta không có lỗi làm gì hết, lỗi lầm là ở chỗ chúng ta dấy niệm.

Dịch âm:

Vô cữu vô pháp,
Bất sanh bất tâm.
Năng tùy cảnh diệt,
Cảnh trực năng trầm.

Dịch nghĩa:

Không lỗi không pháp,
Chẳng sanh chẳng tâm.
Năng tùy cảnh diệt,
Cảnh theo năng chìm.

Giải thích:

Chỗ này hơi khó, Vô cữu vô pháp, bất sanh bất tâm: không lỗi không pháp, chẳng sanh chẳng tâm. Vừa dấy niệm lên thì có pháp có tâm, dấy niệm lên thì muôn pháp có lỗi, không dấy niệm thì không lỗi, không lỗi tức là không thấy pháp nào, không thấy pháp tức nhiên tâm không sanh. Tâm không sanh nên không nói là tâm, có sanh tức là dấy niệm lên nói là tâm tôi suy nghĩ, bây giờ không dấy niệm thì nói tâm tôi nghĩ cái gì? Tức là không tâm nên nói: không lỗi không pháp, chẳng sanh chẳng tâm.

Năng tùy cảnh diệt, cảnh trực năng trầm: Năng là tâm, tâm theo cảnh diệt, cảnh theo tâm chìm. Tâm không sanh tức cảnh cũng không có, tâm đối cảnh đó giả dối không thật thì theo đó diệt. Nếu tâm diệt, cảnh cũng theo đó mất, tâm và cảnh không rời. Vì vậy

chúng ta tu có hai trường hợp: trường hợp thứ nhất nhìn lại mình thấy rõ từng tâm niệm: mỗi niệm dấy lên biết là giả dối không theo; trường hợp thứ hai nhìn ra ngoài thấy người, thấy tất cả đều là tướng duyên hợp hư giả, không dính mắc. Nếu biết người giả, cảnh giả thì người cảnh tự mất; người cảnh mất thì tâm cũng theo đó mất. Thấy nó tầm thường không quan trọng thì không nghĩ, không nhớ, nếu thấy nó quan trọng thì nhớ nghĩ hoài. Đó là tâm cảnh liên hệ nhau như vậy.

Dịch âm:

Cảnh do năng cảnh,
Năng do cảnh năng.
Dục tri lưỡng đoạn,
Nguyện thị nhất không.

Dịch nghĩa:

Cảnh bởi năng cảnh,
Năng do cảnh năng.
Muốn biết hai đoạn,
Nguyện là một không.

Giải thích:

Cảnh do năng cảnh: Cảnh do tâm mà thành cảnh. Ví dụ: cái đồng hồ là cảnh, tại sao gọi là đồng hồ? Là do tâm mình đặt tên nên gọi là cái đồng hồ. Như vậy cảnh do tâm mới thành cảnh. Còn Năng do cảnh năng là như cái đồng hồ mình dấy niệm cái đồng hồ. Vậy đồng hồ là cảnh, như nơi cảnh mà tâm dấy khởi. Do thấy cái đồng hồ rồi dấy niệm tốt xấu, cũ mới, tâm phân biệt có ra cũng do nơi cảnh mà có. Nếu thấy rõ cảnh không thật thì tâm cũng theo đó mất. Hai câu: cảnh do năng thành cảnh, năng do cảnh thành năng, tức là cảnh do tâm thành cảnh, tâm cũng do năng thành tâm. Hai cái liên hệ nhau cảnh là tướng ở bên ngoài, tướng bên ngoài không có phân biệt, không có tên riêng. Sở dĩ thành tên là do tâm mà có.

Dục tri lưỡng đoạn, nguyện thị nhất không: Muốn biết hai đoạn tức là hai bên nguyên là một cái không. Hai bên đều là giả, không thật.

Dịch âm:

Nhất không đồng lưỡng,
 Tề hàm vạn tượng.
 Bất kiến tinh thô,
 Ninh tâm kiệt đảng.

Giải thích:

Nhất không đồng lưỡng, tề hàm vạn tượng: Một cái không đồng với hai bên đều trùm cả vạn tượng. Bởi vì cái không đó không thể nói là mấy được, không thể nói là hai, mười hay một trăm cái không. Cái không đó chỉ có một. Tại sao lại bằng hai? Bởi vì trong cái không đó tất cả hình tượng, những pháp đối đãi đều nằm trong đó. Cái không cũng như hư không, muôn pháp đều hiện hữu ở trong hư không: người, thú, cây cỏ, núi sông... tất cả đều nằm trong hư không. Nó chỉ là một mà đồng với hai, bởi vì mọi cái hai đều ở trong đó. Vì vậy cho nên nói nó bằng, nó trùm cả muôn tượng không thua không kém.

Bất kiến tinh thô: Tinh là đẹp, thô là xấu. Nếu không còn thấy cái này đẹp cái kia xấu thì Ninh tâm kiệt đảng: đảng là bề đảng rồi ren. Tâm sạch hết những lăng xăng rồi ren, nếu không thấy đẹp, không thấy xấu thì tâm sạch hết mọi loạn tướng lăng xăng

Dịch nghĩa:

Một không đồng hai,
 Đều gồm vạn tượng.
 Chẳng thấy tinh thô,
 Tâm yêu ghét dứt.

Dịch âm:

Đại đạo thể không,
 Vô dị vô nan.
 Tiểu kiến hồ nghi,
 Chuyển cấp chuyển trì.

Giải thích:**Dịch nghĩa:**

Đạo lớn thể rỗng,
 Không dễ không khó.
 Hiểu cạn hồ nghi,
 Chuyển gấp chuyển trì.

Đại đạo thể không, vô dị vô nan: Ở trước thì nói chí đạo, ở đây thì nói đại đạo. Chí đạo với đại đạo là một, là tâm thể rộng rang thênh thang đó vậy. Đại đạo không khó không dễ, khó dễ là hai bên mà đại đạo lia hai bên, nếu ở hai bên thì mất đạo.

Tiểu kiến hồ nghi, chuyển cấp chuyển trì: Người thấy thiện cận sanh ra nghi ngờ, càng gấp thì càng chậm, bởi vì thấy cận hẹp bị kẹt hai bên. Khi nghe nói đạo rộng rang thênh thang không kẹt hai bên bao trùm cả vạn tượng thì không thể tin được. Vì vậy thêm nghi ngờ nên sanh ra nhanh hay chậm đều là lỗi chấp hai bên.

Dịch âm:

Chấp chi thất độ,
Thâm nhập tà lộ.
Phóng chi tự nhiên,
Thể vô khứ trụ.

Dịch nghĩa:

Chấp đó mất chứng,
Ắt vào đường tà.
Buông đó tự nhiên,
Thể chẳng khứ trụ.

Giải thích:

Chấp chi thất độ, thâm nhập tà lộ: Hễ chấp thì mất độ lượng, ắt rơi vào đường tà. Dù chấp có hay không cũng đều mất tâm thể thênh thang rộng suốt. Mà người chấp có hay không cũng rơi vào đường tà.

Phóng chi tự nhiên, thể vô khứ trụ: Nếu buông tất cả thì thể chân thật không đi, không trụ tự nhiên hiện tiền.

Dịch âm:

Nhậm tánh hiệp đạo,
Tiêu dao tuyệt nã.
Hệ niệm quai chơn,
Hôn trầm bất hảo.

Dịch nghĩa:

Xứng tánh hiệp đạo,
Tiêu dao tuyệt nã.
Buộc niệm trái chơn,
Hôn trầm chẳng tốt.

Giải thích:

Nhậm tánh hiệp đạo, tiêu dao tuyệt nã: Xứng với tánh thì hợp với đạo, tức là thể tánh trùm khắp, nếu sống với thể trùm khắp đó thì hợp với đạo. Khi hợp với đạo thì rong chơi thảnh thơi không rối loạn buồn rầu, hết phiền nã.

Hệ niệm quai chơn, hôn trầm bất hảo: Buộc niệm là trái với chơn thật, còn hôn trầm thì không tốt. Đó là hai thứ bệnh của người tu thiền: hoặc hôn trầm hoặc buộc niệm. Khi ngồi thiền một lúc êm êm thì thấy mình đi chợ, làm việc này việc kia... đó là hôn trầm. Nếu không như vậy thì chăm chăm kèm lại một chỗ. Tâm thể không phải do kèm mà được. Chơn thể thênh thang trùm khắp, bấy giờ kèm cái gì? Vậy mà người tu không biết hoặc kèm hoặc buông; kèm thì trái với chơn, buông thì theo ngũ dục. Chỗ này thực là thiết yếu, chúng ta phải khéo không kèm cũng không buông, nghĩa là Niệm dấy lên liền thấy, thấy mà không theo, bởi không theo nên nó lặng lặng một cách tự nhiên mà tỉnh táo chớ không kèm. Có người ngồi chăm chăm, nhúu chơn mà đó là kèm là bệnh, còn buông thì mắt nhắm lại thiu thiu ngủ gục, ngồi một giờ đồng hồ cứ ngủ gục hoài. Như vậy buộc niệm cũng không tốt, mà hôn trầm cũng không được. Quý vị còn nhớ câu nói của ngài Vĩnh Gia Huyền Giác không? Tinh tỉnh lặng lặng phải Tinh tỉnh là không hôn trầm, còn lặng lặng là không kèm, không hôn trầm mờ mịt mà tự nhiên lặng sáng. Kèm quá thì đau đầu không hợp với đạo. Còn buông thì mờ mịt hôn trầm cũng không thấy đạo gọi là ngồi trong hang quỷ. Như vậy mới nghe qua tưởng tu dễ lắm nhưng có tu rồi mới thấy khó, đi đường giữa hợp với đạo. Cái khó của người tu là ở chỗ đó.

Dịch âm:

Bất hảo lao thân,
Hà dụng sơ thân.
Dục thú nhứt thừa,
Vật ố lục trần.

Giải thích:

Dịch nghĩa:

Chẳng tốt nhọc thân,
Đâu cần sơ thân.
Muốn đến nhất thừa,
Chớ ghét sáu trần.

Bất hảo lao thần, hà dụng sơ thân: Hôn trầm là không tốt, dần dần lao tổn tinh thần đâu có dùng sơ hay thân, không cần nghĩ đây là gần với đạo, kia là xa với đạo, còn sơ thân là còn hai bên.

Dục thú nhứt thừa, vật ố lục trần: Muốn tiến đến con đường nhứt thừa chớ có ghét sáu trần. Tại sao vậy? Bởi vì người ta có hai quan niệm: một quan niệm thọ lạc, một quan niệm yếm thế. Quan niệm thọ lạc cho rằng ta nên thụ hưởng sướng cho đủ nhu cầu, ăn cho ngon, mặc cho đẹp, ở cho sang để được vui vẻ sung sướng. Còn quan niệm yếm thế là chán ghét sáu trần, thấy sáu trần hại mình làm chướng ngại đường tu, cho nên ghét nó coi nó như kẻ thù. Vậy hai quan niệm thụ hưởng và chán ghét sáu trần cũng là bệnh. Theo sáu trần là bệnh đành rồi, mà ghét sáu trần cũng là bệnh nữa. Quý vị thấy có người sợ danh lợi quyền rũ, người chạy theo danh lợi đã đành rồi, người sợ danh lợi cứ chửi bới danh lợi hoài, chửi bới danh lợi không phải là không theo danh lợi, vì ham danh lợi quá nên chửi bới cho đỡ ham phải không? Hai cái đều là hiện tượng của bệnh hoạn, đừng theo, đừng chửi mới là đúng. Vì vậy muốn tiến đến con đường nhứt thừa thì chớ có ghét sáu trần, vì sáu trần không có chướng ngại, tại tâm mình chạy theo cảnh nên sanh ra chướng ngại.

Dịch âm:

Lục trần bất ố,
Hoàn đồng chánh giác.
Trí giả vô vi,
Ngu nhơn tự phục.

Dịch nghĩa:

Sáu trần không ghét,
Hoàn đồng chánh giác.
Kẻ trí vô vi,
Người ngu tự trời.

Giải thích:

Lục trần bất ố, hoàn đồng chánh giác: Sáu trần không ghét xoay lại thì đồng với chánh giác. Niệm ưa ghét là loạn động không hợp với đạo.

Trí giả vô vi, ngu nhơn tự phục: Người trí đối với sáu trần thì tâm thành thoi, không ưa ghét nên gọi là vô vi. Người ngu đối với sáu trần thì dính mắc, Người trí thấy danh lợi coi như trò chơi, thản nhiên tự tại đều cho sáu trần là hại, thấy nó là vô vi. Nếu

thấy hại là tại mình ngu chạy theo nó, thấy chướng ngại nên tự trối buộc. Như vậy sáu trần không lỗi, lỗi là tại tâm chúng ta mê.

Dịch âm:

Pháp vô vị pháp,
Vọng tự ái trước.
Tương tâm dụng tâm,
Khởi thi đại thác.

Dịch nghĩa:

Pháp không pháp khác,
Tự vọng ái trước.
Đem tâm vọng tâm,
Há chẳng lầm to.

Giải thích:

Pháp vô vị pháp, vọng tự ái trước: Các pháp không khác do mình vọng niệm cho nên tự ái trước. Tỉ dụ: đức Phật dạy tu Tịnh độ và tu Thiền, tuy niệm Phật khác với tu Thiền song chỗ cứu cánh không khác. Người niệm Phật niệm đến chỗ vô niệm tức nhiên nhập được nhất tâm chơn như, dùng một niệm để dẹp nhiều niệm, nhiều niệm dứt thì một niệm cũng buông. Người tu Thiền cũng vậy, hoặc dùng sở tức để buông các niệm khác lần lần rồi sở tức cũng buông, lặng lẽ thể nhập nhất tâm chơn như. Như vậy tu Thiền đừng chê Tịnh độ cũng như theo Tịnh độ đừng chê Thiền. Chỗ cứu cánh không khác, khác là do nơi phương tiện. Biết phương tiện là tạm thời thì chấp trước, yêu ghét làm gì?

Tương tâm dụng tâm, khởi thi đại thác: Đem tâm dụng tâm đâu chẳng phải là lầm lớn. Đem tâm dụng tâm là thế nào? Đem tâm này dẹp tâm kia, đem tâm kia dẹp tâm nọ, như vậy là lầm lớn. Ví dụ: người có tâm thích danh, do có tâm thích danh nên dùng tâm thích danh đó khởi niệm ghét danh. Nói danh là xấu, chửi bới chê bai nó, vậy là dùng tâm này để bỏ tâm kia, đó là lầm lạn lớn. Bởi vì nó không thật mà chửi bới nó, dẹp nó để làm gì, biết nó không thật là đủ.

Dịch âm:

Mê sanh tịch loạn,
Ngộ vô bảo ác.
Nhứt thiết nhị biên,

Vọng tự chằm chước.

Dịch nghĩa:

Mê sanh tịch loạn,
Ngộ không tốt xấu.

Tất cả hai bên,

Do vọng chiêm trước.

Giải giải:

Mê sanh tịch loạn, ngộ vô bảo ác: Mê sanh ra phân biệt chấp trước cho đây là loạn kia là định. Người ngộ không thấy có tốt xấu, bởi chúng ta mê nên thấy hai bên, phân biệt chọn lựa đây là động, kia là tịnh, bỏ động ưa tịnh, tìm kiếm lãng xăng. Ngộ rồi thì không còn thấy tốt xấu hai bên nữa.

Nhứt thiết nhị biên, vọng tự chiêm trước: Chiêm trước giống như giảng trạch ở trước, nghĩa là thêm bớt. Tất cả cái thấy hai bên đều do giản trạch thêm bớt mà ra. Thí dụ: cho cái này là hay, cái kia là dở, cái này nói tốt, cái kia nói xấu chính do phân biệt mà ra.

Dịch âm:

Mộng huyễn không hoa,

Hà lao bả tróc.

Đắc thất thị phi,

Nhứt thời phóng khức.

Dịch nghĩa:

Mộng huyễn không hoa,

Đâu nhọc nắm bắt.

Được mất, phải quấy,

Một lúc buông bỏ.

Giải giải:

Mộng huyễn không hoa, hà lao bả tróc: Tất cả các pháp đều là hoa đốm giữa hư không, nhọc gì phải nắm bắt. Người trí đối với sáu trần không dính mắc là vì họ thấy nó như huyễn hóa. Người mê thấy nó thật, bám chặt, chấp giữ nên nhọc nhằn khổ đau.

Đắc thất thị phi, nhứt thời phóng khức: Được mất, phải quấy một lúc bỏ hết, người nào đối với được mất phải quấy, một lúc ném hết thì được an ổn. Sở dĩ chúng ta bất an là tại thấy đắc thất, thị phi... Ví dụ; đi chợ bị mất một trăm đồng, tới ngồi thiền, nghĩ không biết bị mất lúc nào, ở đâu, ngồi trên xe lam đi vào chợ, cứ nhớ hoài, đến hết giờ ngồi thiền cũng một chuyện mất tiền. Lại như làm việc gì cái lợi tới ngoài sức mình nghĩ, rồi cũng không yên tâm tìm lý do tại sao được nhiều như vậy? Nhờ phước sẵn có hay do tài khéo tính toán? Cho nên mất cũng làm tâm loạn, được cũng loạn tâm. Được mất cũng đều làm mất tâm hết. Phải quấy cũng vậy, nếu đối với người, mình xử sự hết

sức là phải, hết sức tử tế, mà họ lại ăn ở tệ bạc với mình. Khi nghĩ mình phải, họ quấy lúc đó có yên không? Cũng lại bất an. Hoặc giả có ai mắng mình làm như thế là ngu, là quấy, lúc đó mình có an không? Vừa thấy thị phi, đắc thất liền bất an. Bây giờ ném quách nó đi thì tự nhiên an ổn.

Dịch âm:

Nhãn nhược bất thù,
Chư mộng tự trừ.
Tâm nhược bất dị,
Vạn pháp nhất như.

Dịch nghĩa:

Mắt nếu chẳng ngủ,
Các mộng tự trừ.
Tâm nếu chẳng khác,
Muôn pháp nhất như.

Giải thích:

Nhãn nhược bất thù, chư mộng tự trừ: Mắt nếu không ngủ thì mộng tự dứt. Tâm nhược bất dị, vạn pháp nhất như: Tâm nếu chẳng khác thì muôn pháp nhất như, thật rõ ràng có ai mở mắt không ngủ mà nằm mộng (nằm chiêm bao) không? Sở dĩ mộng là vì nhắm mắt ngủ, bởi ngủ nên có mộng, khi thức dậy thì mộng liền hết. Cũng như vậy, tâm nếu không có niệm này nọ thì tất cả pháp đều nhất như, thấy cái gì ra cái nấy. Ví dụ: thấy cái bình màu xanh đúng là màu xanh, cái áo màu vàng đúng là màu vàng, không thêm một niệm nào, thì xanh đâu thành vàng, vàng đâu hóa xanh. Tuy nhiên tương xanh vàng vẫn thấy, nhưng không dấy niệm nên muôn pháp nhất như. Rõ ràng như vậy.

Dịch âm:

Nhất như thể huyền,
Ngột nhi vọng duyên.
Vạn pháp tề quán,
Qui phục tự nhiên.

Dịch nghĩa:

Nhất như thể huyền,
Ngây ngất quên duyên.
Muôn pháp đồng quán,
Trở lại tự nhiên.

Giải thích:

Nhất như thể huyền, ngột nhi vọng duyên: Nếu được nhất như rồi thì thể chất là nhiệm màu huyền diệu, rồi bỗng quên hết các duyên.

Vạn pháp tề quán, qui phục tự nhiên: Đồng quán muôn pháp để trở về tự nhiên. Thấy tất cả pháp như nhiên không có sai biệt. Vì tâm nhất như vậy nên muôn pháp cũng nhất như.

Dịch âm:

Dẫn kỳ sở dĩ,
Bất khả phương tỷ.
Chỉ động vô động,
Động chỉ vô chỉ.

Dịch nghĩa:

Sạch lý do kia,
Không thể so sánh.
Dừng động không động,
Động dừng không dừng.

Giải thích:

Dẫn kỳ sở dĩ, bất khả phương tỷ: Sạch hết mọi lý do, thì không còn so sánh, thường thường đối với các pháp, chúng ta khởi niệm phân biệt, khi phân biệt thì có lý do tại sao cái này đẹp, cái kia xấu, đưa tới chỗ so sánh, hơn thua, phải quấy. Cho nên dứt được tâm tìm lý do thì không còn điều gì có thể so sánh được nữa.

Chỉ động vô động, động chỉ vô chỉ: Dừng động mà không động, động đã dừng thì không còn dừng nữa. Tại sao vậy? Vì biết rõ tâm không dấy niệm đối với các pháp, không dấy niệm tức nhiên dừng động, đó mới là thật không động. Động dừng mà không có niệm dừng để kèm nó, mới là dừng chân thật. Người tu không biết cứ đề vọng tưởng xuống, thì động càng thêm động. Ở đây, tâm đối cảnh biết rõ mà không khởi niệm khác, bởi không khởi niệm khác nên không động. Khi động dừng cũng không khởi niệm dừng để kèm, đó mới là dừng chân thật.

Dịch âm:

Lưỡng ký bất thành,
Nhứt hà hữu chỉ.

Cứu cánh cùng cực,
Bất tồn qui tắc.

Dịch nghĩa:

Hai đã chẳng thành,
Một làm gì có.

Rốt ráo cùng cực,
Chẳng còn qui tắc.

Giải thích:

Lưỡng ký bất thành, nhứt hà hữu chi: Cái hai đã chẳng thành thì một nào có được. Cứu cánh cùng cực, bất tồn qui tắc: Rốt ráo cùng tột không còn qui tắc, khuôn phép. Khi tâm không dấy niệm phân biệt cảnh, thì hai không còn, cái một cũng mất luôn, chỗ đó là cứu cánh, cùng tột, tự tại bao dung, thênh thang không ngăn mé, không mẩu mực.

Dịch âm:

Khế tâm bình đẳng,
Sở tác câu tứ.
Hồ nghi tận tịnh,
Chánh tín điều trực.

Dịch nghĩa:

Hợp tâm bình đẳng,
Sở tác đều tứ.
Hết sạch hồ nghi,
Chánh tính điều trực.

Giải thích:

Khế tâm bình đẳng, sở tác câu tứ: Khi đó mới khế hợp với tâm bình đẳng, các việc làm đều dứt bật thì Hồ nghi tận tịnh, chánh tín điều trực: mọi sự nghi ngờ trong tâm đều sạch, ấy mới là lòng tin chân chánh, ngay thẳng, không cong vạy, điên cuồng như trước, gọi là Tín tâm.

Dịch âm:

Nhất thiết bất lưu,
Vô khả ký ức.
Hư minh tự chiếu,
Bất lao tâm lực.

Dịch nghĩa:

Tất cả chẳng lưu,
Không nên ghi nhớ.
Rỗng rang tự chiếu,
Chẳng nhọc tâm lực.

Giải thích:

Nhất thiết bất lưu, vô khả ký ức: Tất cả cảnh không để tâm thì chẳng ghi nhớ. Bởi vì đã sống được với nhất như thì không còn chứa chấp điều gì, nên đối với tất cả cảnh đều không giữ, cũng không ghi nhớ.

Hư minh tự chiếu, bất lao tâm lực: Tâm rỗng rang tự chiếu không nhọc đến sức lực. Khi ấy không còn dụng công để quán chiếu mà rỗng rang tự chiếu, tự sáng chỗ này rất rõ. Chúng ta luôn luôn trái với đạo mà không biết, sống với đạo thì phải buông để tâm rỗng rang sáng suốt. Càng không có niệm, không có những ghi nhớ thì càng thành thoi. Người thế gian đâu chịu buông bỏ ký ức, cứ ghi nhớ, cái gì cũng đồ cho đậm, nhớ cho sâu thành ra rối loạn, đau khổ. Vì nhớ nhiều là điên đảo nhiều, mỗi khi ngòi nhớ người này xử sự với mình tốt, người kia đối xử với mình xấu... Như vậy là loạn tâm, loạn tướng cả ngày không bao giờ thành thoi cũng tại ghi nhớ. Ghi nhớ gốc từ mê làm mà ra. Chúng ta hồi nhỏ thấy chuyện gì hay hay xảy ra thì lo ghi, làm được việc gì tốt cứ nhớ hoài, đi du lịch gặp cảnh đẹp sợ quên thì chụp hình, chụp ảnh để lâu lâu dỡ ra xem, chứa trong đầu chưa đủ, lại còn ghi không biết bao nhiêu thứ chuyện. Quá nhiều chuyện cho nên tâm đầy nghẹt, do đó không sáng suốt. Bây giờ biết tu thì đừng ghi nhớ, chuyện qua rồi thì thôi, ghi làm gì cho mệt. Nếu tâm không ghi nhớ thì rỗng rang tự chiếu, tự soi nào có nhọc công sức gì.

Dịch âm:

Phi tư lương xứ,
Thức tình nan trắc.
Chơn như pháp giới,
Vô tha vô tự.

Giải thích:

Phi tư lương xứ, thức tình nan trắc: là không phải chỗ để suy nghĩ, thức tình cũng không thể lường tới đó được. Chỗ đó là chỗ nào? Là chỗ hư minh tịch chiếu. Người nào nói tôi dùng tâm để duy nghĩ, để tìm đạo lý, tìm ngàn đời cũng không được. Chỗ đó là chỗ rỗng rang tự chiếu không phải do vọng tự tìm ra, càng dùng tâm thức để phân biệt, tìm kiếm lại càng không thể tới được. Bỏ ý và thức thì tự nhiên nó hiện bày. Ngài Qui Sơn có một câu thoại đầu để dạy đệ tử rằng: "Ông nên tư lương chỗ không thể tư lương", ông nên suy nghĩ chỗ không nên suy nghĩ. Chỗ không suy nghĩ làm sao suy nghĩ, ngài

Dịch nghĩa:

Chẳng phải chỗ suy,
Thức tình khôn dò.
Chơn như pháp giới,
Vô tha vô tự.

dạy đệ tử buông hết thì tới chỗ hư minh tịch chiếu. Chúng ta nghe vậy không biết, bốp trán hỏi: làm sao suy nghĩ chỗ không suy nghĩ được. Đó là câu thoại đầu khéo.

Chơn như pháp giới, vô tha vô tự: Chính chỗ tự chiếu gọi là chơn như, cũng gọi là pháp giới không còn thấy có ta, người, không còn đối đãi ta người, đó mới là chỗ chơn như pháp giới. Quý vị còn nhớ trong kinh Kim Cang, Phật dạy chúng ta bỏ bốn tướng Ngã, Nhơn, Chúng sanh, Thọ giả không? Bốn tướng ấy đều nằm trong tha và tự ở đây. Buông được bốn tướng đó mới có thể nhập được chơn như pháp giới.

Dịch âm:

Yếu cấp tương ưng,
Duy ngôn bất nhị.
Bất nhị giai đồng,
Vô bất bao dung.

Dịch nghĩa:

Cần gấp tương ưng,
Chỉ nói bất nhị.
Bất nhị đều đồng,
Chẳng gì chẳng dung.

Giải thích:

Yếu cấp tương ưng, duy ngôn bất nhị: Cấp thiết để tương ưng chỉ nói là bất nhị. Muốn gấp rút khéo hợp chơn như pháp giới thì phải sống với cái bất nhị, sống không hai mới vào được chỗ đó, còn có hai thì không bao giờ thể nhập được.

Bất nhị giai đồng, vô bất bao dung: Chỗ không hai đều đồng, không có cái gì mà nó không bao trùm khắp.

Dịch âm:

Thập phương trí giả,
Giai nhập thủ tông.
Tông phi xúc diên,
Nhứt niệm vạn niên.

Dịch nghĩa:

Kẻ trí mười phương,
Đều vào tông này.
Tông chẳng ngắn dài,
Một niệm muôn năm.

Giải thích:

Thập phương trí giả, giai nhập thủ tông: Người trí mười phương đều vào tông này. Tông phi xúc diên, nhứt niệm vạn niên: Tông này không phải kéo rút ngắn lại, không phải kéo dài thêm ra, một niệm là muôn năm, muôn năm là một niệm. Ai biết một niệm là muôn năm? Thường thường trong đạo hay dùng chữ Nhứt niệm, là một niệm. Một niệm là thời gian rất ngắn, muôn năm là thời gian rất dài. Thời gian không thiết thì dài ngắn làm gì có thiết. Thấy rõ thời gian không thiết thì một niệm đồng với muôn năm, chỉ có nhứt niệm chơn như. Tâm này không ngắn cũng không dài, ngắn dài chỉ cho thời gian, bởi thời gian nên một niệm rất ngắn, muôn năm rất dài mà thể nhập được chơn như thì đâu có niệm ngắn dài.

Dịch âm:

Vô tại bất tại,
Thập phương mục tiền.
Cực tiểu đồng đại,
Vọng tuyệt cảnh giới.

Dịch nghĩa:

Không còn chẳng còn,
Mười phương trước mắt.
Rất nhỏ đồng lớn,
Quên hẳn cảnh giới.

Giải thích:

Vô tại bất tại, thập phương mục tiền: Vô tại là không hiện hữu, bất tại là chẳng phải do hiện hữu. Vì chơn như không thuộc về thời gian, đối với không gian nó không có tướng mạo, nên không có cái hiện tại mà chẳng phải hiện hữu. Tôi thường nói với quý vị: Cái thấy ở trước mắt, nhưng sự thật có ở trước mắt không? Nếu ở trước mắt thì phải thấy. Quý vị có thấy nó không? Nếu không tại sao có thấy? Cái thấy dường như không phải hiện tại mà nó hiện tại. Nếu buông tất cả thì nó sờ sờ trước mắt, chớ không phải không có. Tâm niệm lảng xảng lảng rồi, cái như như không có gián cách gần xa, cho nên nói mười phương đều ở trước mắt.

Cực tiểu đồng đại, vọng tuyệt cảnh giới: Cái rất nhỏ đồng với cái rất lớn, quên hết cảnh giới là nói về không gian, quý vị nhớ trong Kinh có câu: "Trên đầu mây lông có thể hàm chứa cả mười phương thế giới". Trên đầu mây lông làm sao trùm cả mười phương thế giới? Hay nói: "Núi Tu Di làm sao nhét trong hột cải?". Bởi vì đầu mây lông, mười

phương thế giới, hạt cải hay núi Tu Di đều là "Không". Để thấy rằng hiện tượng trong không gian này lớn nhỏ với con mắt của người ngộ đạo thì tướng mạo lớn nhỏ đều là giả tướng duyên hợp, đã là giả tướng duyên hợp thì tự tánh nó là không, tướng không ấy bình đẳng không có lớn nhỏ.

Dịch âm:

Cực đại đồng tiểu,
Bất kiến biên biểu.
Hữu tức thị vô,
Vô tức thị hữu.

Dịch nghĩa:

Rất lớn đồng nhỏ,
Chẳng thấy biên giới.
Có chính là không,
Không chính là có.

Giải thích:

Cực đại đồng tiểu, bất kiến biên biểu: Cái rất lớn đồng với cái rất nhỏ, nên thấy không bờ mé tiêu biểu của nó. Trong tánh không của các pháp lớn và nhỏ đều không khác nhau nên không có ranh giới lớn nhỏ.

Hữu tức thị vô, vô tức thị hữu: Có tức là không, không tức là có. Theo tinh thần Bát nhã tại sa có tức là không, không tức là có? Bởi vì ngay nơi Có thể tánh nó là không, do duyên hợp giả có nên nó là Không, Không và Có không rời nhau. Ngay nơi Không là có, ngay nơi Có là không, đâu còn hai bên nữa. Chữ Tức chỉ cho không còn kẹt ở hai bên, vừa lệch hai bên là đã sai rồi. Vì vậy cho nên tới chỗ thấy đạo của các Tổ đều dùng chữ Tức. Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn... để chúng ta không còn bị kẹt hai bên.

Dịch âm:

Nhược bất như thử,
Tất bất tu thử.
Nhứt tức nhứt thiết,
Nhứt thiết tức nhứt.

Dịch nghĩa:

Ví chẳng như thế,
Quyết không cần giữ.
Một tức tất cả,
Tất cả tức một.

Giải thích:

Nhược bất như thử, tất bất tu thử: Nếu không như thế ắt không nên giữ, nghĩa là ngay nơi có thấy là không, ngay nơi không thấy là có, Không nên chấp giữ điều đó vì còn thấy hai. Phải thấy tột các pháp không hai, chỗ không hai đó mới là chân thật.

Nhứt tức nhứt thiết, nhứt thiết tức nhứt: một tức là tất cả, tất cả tức là một, điều này làm sao mình biết được. Tất cả là một, bởi vì trong mỗi người chúng ta đều có cái thân hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc nam nữ khác nhau. Bởi khác nhau nên thành nhiều người, nhiều người đó là tất cả. Nhưng tất cả nhiều người đó đúng về thiên mà nói là do tứ đại kết thành. Biết thân này do tứ đại kết hợp thành thì thân người cũng do tứ đại hợp thành. Vậy một và tất cả đâu có khác. Như vậy trong Một đã hàm chứa Tất Cả, đó là nói về hình thức vật chất. Nói về tâm cũng vậy, trên vọng tưởng của chúng ta mỗi người có muôn ngàn thứ vọng tưởng sai biệt, nhưng trên cái Tâm thể lặng lẽ thì nó không khác. Vì vậy cho nên trên Tâm thể đó đồng là Một tùy duyên thì hiện ra Tất Cả. Đứng về Thể thì nói là Một, nhưng đứng về Dụng thì nói là Tất Cả. Thể và Dụng không rời nhau. Một tức Tất Cả là từ Thể nói Dụng. Tất cả tức Một là tự Dụng nói Thể, không khác nhau.

Dịch âm:

Đản năng như thị,
Hà tự bất tất.
Tín tâm bất nhị,
Bất nhị tín tâm.

Giải thích:

Đản năng như thị, hà tự bất tất: Chỉ được như thế, nào lo chẳng xong. Được như thế là thấy tất cả tướng Dụng có sai biệt nhưng Thể thì không khác nhau. Tướng Dụng

Dịch nghĩa:

Chỉ được như thế,
Lo gì chẳng xong.
Tín tâm bất nhị,
Bất nhị tín tâm.

không rời Thê, thê không rời tướng Dụng. Tức là có chẳng rời không, không chẳng rời có. Chúng ta thấy tất cả pháp là không hai, lo gì chẳng xong, nhất định sẽ viên mãn Bồ đề.

Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm: Tín tâm mình là chỗ không hai, tin được chỗ không hai đó là tin tâm mình. Tổ Tăng Xán và Tổ Huệ Năng dạy không khác. Bài pháp đầu tiên của Lục Tổ nói với ngài Đạo Minh là: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là Bản lai diện mục của Thượng tọa Minh". Bản lai diện mục là tâm vậy. Muốn thấy được bản lai diện mục thì đừng nghĩ thiện ác, nghĩ thiện ác là hai. Nếu thấy hai thì không thấy được bản lai diện mục. Mình tin được tâm mình là không mắc kẹt hai bên, không mắc kẹt hai bên tức là tin được tâm. Người còn suy nghĩ phân biệt là mất tâm. buông được hai bên là nhận được tín tâm. Quý vị có tin tâm mình chưa? Có tâm mà không chịu tin vì bận sống với hai bên. Nói không hai mà suy nghĩ thì hai phải không? Cho nên mất tâm mà chẳng hay. Bây giờ muốn tin tâm, thì phải buông hai bên mới gọi là Tín Tâm.

Dịch âm:

Ngôn ngữ đạo loạn,
Phi cổ lai kim.

Dịch nghĩa:

Đường ngôn ngữ đứt,
Chẳng phải xưa nay.

Giải thích:

Ngôn ngữ đạo loạn, phi cổ lai kim: Con đường ngôn ngữ bật đứt không phải là xưa nay. Tới chỗ Chí đạo không còn nói xưa nay nữa, bao nhiêu ngôn ngữ đều không thể bàn luận tới được. Vừa bàn luận tới thì đã rơi vào hai. Bật ngôn ngữ, đứt được cái không hai mới là tâm mình. Chúng ta đang tu hành ai cũng đều nghĩ tu là tu tâm. Vậy chúng ta tu tâm nào? Tâm thiện hay tâm ác? Vừa nghĩ thiện, nó mất tiêu, vừa nghĩ ác, nó cũng mất tiêu. Vậy có lắm người nói: thôi tôi không đi chùa, ở nhà tu tâm được rồi. Tâm là cái gì để mà tu? Nếu nghĩ lành, nghĩ dữ là tâm mình thì thử tìm xem coi nó ra sao? Vừa nhìn lại là nó mất hình dáng, nó không thật, cái giả dối làm sao mà tu, chẳng qua là lời nói suông không thực. Ở đây nói tu tâm là buông hết những niệm thiện ác, chỉ còn một tâm thể nhất như, cái đó mới thật tâm mình. Biết được như vậy, thấy được như vậy, mới gọi là Tin tâm mình. Người tu mà không tin tâm mình thì thất tín, thất tín thì không tu được. Tu là trở về cái chơn thật muôn đời, chớ nghĩ tưởng lăng xăng tự nó cuồng loạn là giả thì tu cái gì?

Cho nên ở đây Tôi nhắc chúng ta tin chắc nơi mình có Tân chơn thật là phải buông chấp hai bên.

III. KẾT LUẬN

Bài này bốn câu đầu, ngài dạy buông yêu ghét là hai bên. Rồi toàn bộ bài TÍN TÂM MINH đều bảo phải bỏ chấp hai mới là tín tâm, chạy theo hai bên thì không phải tín tâm

Tóm lại, loài người cho đến loài vật từ những việc đối đãi trong thế gian đều nằm ở hai bên. Vì vậy cho nên bao nhiêu niệm điên đảo nổi lên, thấy nam thì nhớ nữ, thấy tốt thì nhớ xấu, thấy phải nhớ quấy. Như vậy điên đảo cuồng loạn hoài cũng tại hai bên đó. Dừng được hai bên thì tâm vọng lặng lẽ, thể nhất như rỗng sáng. Đó là cội nguồn của sự tu hành. Tín tâm không phải là tin tâm thiện của mình, tín tâm là tin được cái **TÂM CHÂN THẬT KHÔNG HAI**, nhớ rõ như vậy.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



Đề tài thuyết giảng : TÍN TÂM MINH

Thiền sư : Thích Thanh Từ

Xuất bản :Thiền thất Chơn Không (QuéBec, Canada) – 1994

Sưu tầm và đánh máy: Thanh-Son .VA-2002